**HƯỚNG DẪN VIẾT LUẬN TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM**

**Giới thiệu:**

- Đề bài yêu cầu nêu quan điểm về một vấn đề

**Một số câu hỏi trong đề bài opinion**

- Do you agree or disagree?

- To what extent do you agree or disagree?

- How far do you agree or disagree?

- What are your views on this?

**CẤU TRÚC**

Đối với dạng bài luận nêu quan điểm về một vấn đề, người viết có thể lựa chọn một trong 2 cách tiếp cận sau.

1. Strong opinion (quan điểm nghiêng hẳn về 1 phía): Đối với dạng này, người viết hoặc là đồng ý hoàn toàn (completely agree) hoặc là phản đối hoàn toàn (completely disagree). Mở bài cần nêu rõ quan điểm và trong phần thân bài nêu 2 ý chính để chứng minh sử dụng các ví dụ và dẫn chứng.

Ở trình độ B1, cách dễ nhất bạn có thể trực tiếp nêu quan điểm. Chẳng hạn như:

I completely agree with the statement. (Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận định)

I totally disagree with the statement. (Tôi hoàn toàn không đồng ý với nhận định).

Cấu trúc bài luận strong opinion:

Đoạn 1: Mở bài

Đoạn 2: thân bài 1 – nêu lí do 1

Đoạn 3: thân bài 2 – nêu lí do 2

Đoạn 4: Kết bài

2. Balanced opinion (quan điểm trung lập): Bạn có thể giải quyết đề bài theo hướng này nếu như bạn thấy có những điểm đồng ý nhưng cũng có mặt phản đối.

Cấu trúc bài luận balanced opinion:

Đoạn 1: Mở bài

Đoạn 2: thân bài 1 – nêu lí do đồng ý

Đoạn 3: thân bài 2 – nêu lí do phản đối

Đoạn 4: Kết bài

**Một số cấu trúc viết balanced opinion essay**

While I accept that…(nêu lí do đồng ý), I believe that…(nêu lí do phản đối)

On the one hand,… (nêu lí do đồng ý) và các ví dụ minh họa

On the other hand,…(nếu lí do phản đối) và các ví dụ minh họa

In conclusion,…

While there are grounds to argue that (nêu lí do đồng ý), it can equally be argued that…(nêu lí do phản đối).

One of the main arguments in favour of (nêu lí do đồng ý)

Despite these arguments, there is an equally strong case to be made that (nêu lí do phản đối)

In conclusion, I believe that there are merits on both sides of the argument.

**MỘT SỐ CẤU TRÚC THƯỜNG GẶP**

**Presenting ideas**

**Cách thể hiện ý**

I would argue/say that...

*Tôi cho rằng…*

In my view...

*Theo quan điểm của tôi thì…*

It seems (to me) that...

*Có vẻ như…*

I tend to think that /I feel that...

*Tôi có ý nghĩ rằng/ tôi cảm thấy rằng…*

As far as I am concerned...

*Theo như tôi quan tâm/ được biết thì….*

Some/Most people argue/think/say/ believe/ feel that...

*Một số/ đa số mọi người tranh luận/ nghĩ/ nói/ tin/ cảm thấy rằng…*

It is understood that...

*Mọi người hiểu rằng…*

It is generally accepted that...

*Mọi người thường chấp nhận rằng*

There is a tendency to believe that...

*Có khuynh hướng tin rằng…*

Many people hold the view that…

*Nhiều người có ý kiến/ cho rằng…*

One of the main arguments in favour of / against…

*Một trong những luận điểm chính ủng hộ/ chống lại….*

There is a common belief that...

*Nhiều người tin rằng….*

**Refuting an argument**

**Bác bỏ tranh luận**

I am unconvinced that...

*Tôi không thuyết phục (= tôi không đồng ý)*

I do not believe that...

(*Tôi không tin rằng)*

Some people find it hard to accept that...

*Một số người thấy khó chấp nhận*

It is doubtful whether...

(*Còn hoài nghi liệu…)*

There is little evidence to support the view

(*Có ít bằng chứng ủng hộ quan điểm)*

I disagree with the view/argument that...

*(Tôi không đồng ý với quan điểm/ luận điểm)…*

I am uncertain whether...

(*Tôi không chắc liệu….)*

**Explaining**

**Giải thích**

By this I (do not) mean ...

*Ý tôi là/ Tôi không có ý nói rằng…*

In other words,...

*Nói cách khác,*

In fact,...

*Thực tế là*

That is to say,...

*Điều này để nói rằng*

That is not to say that...

*Điều đó không phải để nói rằng…*

To be more precise,...

*Chính xác hơn là*